

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN
CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Điều 1. Thống nhất ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Với nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

QUY ĐỊNH

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách các cấp chính quyền của tỉnh Gia Lai áp dụng cho ngân sách năm 2026.

2. Đối tượng áp dụng:

Sở, cơ quan ngang Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh Gia Lai, các cơ quan khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã).

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, xã đảo.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 được quy định tại Chương II, Chương III của Quy định này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó, lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đó chi tiết lĩnh vực Giáo dục Đào tạo, Khoa học Công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để

HĐND tỉnh quyết định. Căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên này, UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp phân bổ chi thường xuyên cho ngân sách xã, phường theo từng lĩnh vực chi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Việc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2026. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, góp phần cơ cấu lại NSNN, sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

5. Định mức phân bổ được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, bảo đảm chi lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định với mức tiền lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với chính sách chế độ, nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ phát sinh chưa được quy định trong định mức này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và chủ trương được cơ quan có thẩm quyền giao kinh phí thực hiện được tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bố trí, bổ sung dự toán theo quy định Luật NSNN và văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện.

6. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

Chương II

ĐỊNH MỨC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CHO CÁC SỞ, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TỈNH

Điều 3. Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

1. Đối với chi thường xuyên cho hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

a) Định mức phân bổ các cơ quan, đơn vị chi hoạt động thường xuyên như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/người/năm

TT	Tên cơ quan	Định mức
(1)	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	85
(2)	Sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Các cơ quan nhà nước có dưới 10 biên chế trở xuống	65
(3)	Các cơ quan trực thuộc: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy); các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	60
(4)	Các cơ quan nhà nước trực thuộc Sở, ban, ngành	55

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan hàng năm bao gồm: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; chi phí thuê mướn; Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên: chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị; chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi hoạt động kiểm tra, giám sát; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật;

- Chi tiền công và hoạt động thường xuyên cho người lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm phần tăng quỹ lương bình quân 3%/năm do nâng lương ngạch, bậc thường xuyên theo niên hạn theo số lao động thực tế có mặt trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được giao hoặc số lượng vị trí việc làm được phê duyệt và nâng lương trước thời hạn theo quy định).

2. Ngoài kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại khoản 1 quy định này, hàng năm cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ còn được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí chi quản lý hành chính để thực hiện một số nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao, như sau:

a) Chi chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các cơ quan bao gồm: kinh phí thuê trụ sở làm việc; chi tổ chức đại hội cấp tỉnh; tổ chức hội nghị, tập huấn; bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn hàng năm (ngoài đối tượng tại điểm a khoản 1 nêu trên); chi hoạt động của các Ban chỉ đạo tỉnh; chi mua sắm trang phục chuyên ngành theo quy định; kinh phí hoạt động của đảng bộ, chi bộ cơ sở; kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước; kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; chi mua ô tô; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định hiện hành.

c) Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt khác phát sinh thường xuyên, không thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi đối với các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao:

Chi tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương; chi thường xuyên mức hỗ trợ bằng định mức chi quản lý hành chính tại điểm (4) khoản a Điều 3 theo số lượng biên chế được giao;

Các khoản chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được đảng, nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản, chính sách khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán cho các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính hiện hành, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, đặc thù và định hướng phát triển của địa phương.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí.

Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Được vận dụng theo nguyên tắc, tiêu chí như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể. Về chi hoạt động thường xuyên thực hiện định mức phân bổ theo quy định của từng lĩnh vực sự nghiệp.

Đối với các nhiệm vụ do Nhà nước giao, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên: việc thực hiện phải tuân thủ phương thức chuyên ngành và các văn bản, pháp luật theo quy định hiện hành.

2. Định mức phân bổ theo chỉ tiêu số người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các lĩnh vực sự nghiệp (không áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; y tế, dân số và gia đình):

a) Định mức chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo số người làm việc:

Đơn vị: triệu đồng/người/năm

Số lượng người làm việc	Định mức
Đến 20 biên chế	37
Từ 21 đến 40 biên chế	35
Trên 40 biên chế	32

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

d) Ngoài định mức chi theo số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao theo quy định, các đơn vị sự nghiệp công lập còn được phân bổ một số khoản chi thường xuyên, không thường xuyên khi thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao.

3. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

3.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động thường xuyên của các đơn vị được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng; nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm thuộc danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và các hoạt động y tế khác theo quy định của Nhà nước trên cơ sở số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao:

a) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

b) Định mức chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo số người làm việc:

Đơn vị: triệu đồng/người/năm

Số lượng người làm việc	Định mức
Đến 20 biên chế	25
Trên 20 biên chế	24

3.2. Đối với các trạm y tế xã, phường:

Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc (biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước) được cấp có thẩm quyền giao:

a) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

b) Định mức chi hoạt động thường xuyên: 20 triệu đồng/người/năm.

3.3. Ngoài định mức phân bổ theo các tiêu chí trên, các cơ quan, đơn vị còn được phân bổ thêm kinh phí cho các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên, không thường xuyên của từng đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện và các chi phí chưa được kết cấu vào giá, phí dịch vụ.

3.4. Phân bổ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế tại địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục:

4.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động thường xuyên của các đơn vị

- Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập được xác định trên cơ sở số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao.

- Định mức chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo vùng quy định tại Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

Vùng	Định mức
Vùng thành thị	22
Vùng nông thôn	24
Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và xã đảo	28

- Đối với Trường chuyên hy vọng được tính bằng 2 lần so định mức chi hoạt động thường xuyên vùng thành thị theo quy định này.

4.2. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho cơ sở giáo dục công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập và chính sách hỗ trợ khác cho học sinh (nếu có) theo quy định của Nhà nước;

4.3. Ngoài ra, chi sự nghiệp giáo dục được phân bổ thêm kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

4.4. Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục theo cơ chế tự chủ quy định tại khoản 4.1 Điều 4 Quy định này.

4.4. Phân bổ kinh phí chi cho hoạt động giảng dạy và học tập năm 2026 cho ngành giáo dục đảm bảo tổng kinh phí chi cho hoạt động toàn ngành (bao gồm chi

hoạt động của các đơn vị **tại Khoản 4.1 Điều này**) từ nguồn ngân sách nhà nước không thấp hơn tỷ lệ chi tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy đổi về mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng chiếm 81% và chi cho hoạt động giảng dạy, học tập là 19%.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị Trường Chính trị tỉnh theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo được giao định mức chi cho bộ máy như đơn vị sự nghiệp.

a) Định mức chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo số người làm việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định.

c) Ngoài định mức chi theo số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao theo quy định, các đơn vị sự nghiệp công lập còn được phân bổ một số khoản chi thường xuyên, không thường xuyên khi thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao.

2. Đối với các Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trường hợp nguồn thu học phí và các khoản thu hợp pháp khác chưa bảo đảm chi trả tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ, ngân sách nhà nước xem xét hỗ trợ phần chênh lệch thiếu cho số lượng người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính.

Điều 6. Phân bổ dự toán chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đối với con người và nhiệm vụ đặc thù để bố trí chi thường xuyên ngân sách tỉnh hằng năm.

Chương III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG TRỰC THUỘC TỈNH

Mục 1. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CĂN CỨ CỦA ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 7. Tiêu chí, căn cứ về dân số

Dân số của các xã, phường được căn cứ trên cơ sở số liệu của Công an tỉnh Gia Lai cung cấp tại công văn số 2040/CAT-PC06 ngày 30/8/2025 về việc cung cấp số công dân của 135 xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Dân số được xác định và phân 03 vùng như sau:

- Vùng đô thị, gồm: Dân số các phường;
- Vùng đặc biệt khó khăn: gồm toàn bộ dân số ở các xã biên giới, xã đảo, xã được hình thành từ các xã vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ);
- Vùng khác còn lại, gồm: Dân số các xã còn lại.

(Chi tiết dân số phân 03 vùng phụ lục kèm theo)

Điều 8. Tiêu chí về biên chế, người thuộc hộ gia đình nghèo

1. Biên chế các đơn vị hành chính, sự nghiệp được cấp thẩm quyền giao xã, phường năm 2025 theo quy định.
2. Số người thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo được xác định trên cơ sở số liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2025.

Mục 2. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

1. Quỹ tiền lương: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của viên chức loại A1 (hệ số bằng 2,34) và các khoản đóng góp theo quy định.

2. Quỹ tiền thưởng: Quỹ tiền thưởng của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025 được xác định trên cơ sở 10% lương theo ngạch, bậc.

3. Kinh phí hoạt động được phân bổ như sau:

Phân bổ theo số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao theo vùng quy định quy định tại Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của HĐND tỉnh (quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm học 2025-2026) như sau:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

Vùng	Định mức
Vùng thành thị	22
Vùng nông thôn	24
Vùng dân tộc thiểu số, miền núi và xã đảo	28

- Phân bổ thêm theo tiêu chí chung với mức 500 triệu đồng/xã, phường/năm.

Kinh phí được phân bổ theo định mức nêu trên chưa bao gồm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng được hưởng theo quy định. Đồng thời, tùy theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh, HĐND tỉnh quyết định bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp xã để tăng cường công tác sửa chữa, mua sắm và thực hiện các nhiệm khác thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Điều 10. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2026 cho các xã, phường với định mức 150 triệu đồng/xã, phường/năm để thực hiện nhiệm vụ về

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Vùng đô thị	9.000
Vùng còn lại	11.500
Vùng đặc biệt khó khăn	16.500

2. Bổ sung kinh phí tặng quà cho người cao tuổi theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 12. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể

a) Đối với cán bộ, công chức:

1. Quỹ tiền lương: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1 (hệ số bằng 2,34), các khoản phụ cấp tính bằng 25% hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1 nêu trên cùng các khoản đóng góp theo quy định.

2. Quỹ tiền thưởng: Quỹ tiền thưởng của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở 10% lương theo ngạch, bậc.

3. Kinh phí hoạt động của công chức được phân bổ theo số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao với định mức 25 triệu đồng/biên chế/năm. Định

mức trên bao gồm: chi khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan; kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên tài sản công và các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên hoặc không thường xuyên của từng xã, phường.

b) Phân bổ cho ngân sách cấp xã để thực hiện các hoạt động hành chính chung trên địa bàn xã, phường bao gồm chi hỗ trợ cho các hội đặc thù khi nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản, chính sách khác theo quy định hiện hành, kinh phí để chi cho các đối tượng thừa hành phục vụ với mức 500 triệu đồng/xã, phường/năm và mức 12.000 đồng/người dân/năm.

c) Đối với người hoạt động không chuyên trách xã, phường; người hoạt động không chuyên trách thôn, khu phố và người tham gia vào công việc của thôn, khu phố:

1. Người hoạt động không chuyên trách xã, phường: phân bổ đủ quỹ phụ cấp và các khoản đóng góp cho số lượng người thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025 để đảm bảo chi trả phụ cấp, đóng góp đến ngày 31/5/2025. Đồng thời, phân bổ kinh phí hoạt động theo số người hoạt động không chuyên trách xã, phường thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025 với định mức 5 triệu đồng/người/5 tháng.

2. Đối với người hoạt động không chuyên thôn, khu phố và người tham gia vào công việc của thôn, khu phố: phân bổ kinh phí để chi trả phụ cấp và các khoản đóng góp cho số lượng người hoạt động không chuyên thôn, khu phố và kinh phí bồi dưỡng cho người tham gia vào công việc của thôn, khu phố theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh.

d) Khoản kinh phí cho Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: phân bổ khoản kinh phí cho Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã theo mức quy định hiện hành của HĐND tỉnh.

e) Phụ cấp đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, phụ cấp trách nhiệm với cấp ủy viên ban chấp hành Đảng ủy xã.

g) Phân bổ kinh phí để thực hiện một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã với mức 300 triệu đồng/xã, phường/năm.

h) Phân bổ kinh phí hỗ trợ cho thú y xã, phường theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh.

i) Phân bổ kinh phí chi chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn bản theo quy định hiện hành.

k) Phân bổ kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân với mức 5 triệu đồng/ban/năm để thực hiện các nội dung chi theo Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, phát thanh truyền hình và chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Quỹ tiền lương: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của viên chức loại A1 (hệ số bằng 2,34) và các khoản đóng góp theo quy định.

2. Quỹ tiền thưởng: Quỹ tiền thưởng của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở 10% lương theo ngạch, bậc.

3. Kinh phí hoạt động được phân bổ theo số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao với định mức 25 triệu đồng/biên chế/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Vùng đô thị	7.000
Vùng còn lại	11.500
Vùng đặc biệt khó khăn	18.000

5. Chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây

dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đối với xã vùng đặc biệt khó khăn theo quy định.

6. Di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng theo quyết định của tỉnh và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm (kể cả di tích nằm trong quần thể di tích, mỗi di tích được phân bổ 100 triệu đồng/di tích/năm.

Điều 14. Định mức phân bổ chi quốc phòng

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Vùng đô thị	9.000
Vùng còn lại	13.000
Vùng đặc biệt khó khăn	25.500

2. Ngoài định mức trên, bổ sung thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng cho xã đảo, xã biên giới 800 triệu đồng/xã.

3. Phân bổ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ.

Điều 15. Định mức phân bổ chi an ninh

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Vùng đô thị	8.000
Vùng còn lại	8.000
Vùng đặc biệt khó khăn	18.000

2. Ngoài định mức trên, bổ sung thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh cho xã đảo, xã biên giới 600 triệu đồng/xã.

3. Phân bổ kinh phí chi chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành của HĐND tỉnh.

Điều 16. Định mức chi sự nghiệp kinh tế

1. Quỹ tiền lương: Quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của viên chức loại A1 (hệ số bằng 2,34) và các khoản đóng góp theo quy định.

2. Quỹ tiền thưởng: Quỹ tiền thưởng của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 10 năm 2025, được xác định trên cơ sở 10% lương theo ngạch, bậc.

3. Kinh phí hoạt động được phân bổ theo số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao với định mức 25 triệu đồng/biên chế/năm.

4. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Vùng đô thị (Phường Quy Nhơn, Quy Nhơn Đông, Quy Nhơn Tây, Quy Nhơn Nam, Quy Nhơn Bắc, Pleiku, Hội Phú, Thống Nhất, Diên Hồng, An Phú)	100.000
Vùng đô thị còn lại	200.000
Vùng còn lại	200.000
Vùng đặc biệt khó khăn	320.000

Điều 17. Định mức phân bổ chi sự nghiệp hoạt động môi trường

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức
Vùng đô thị	9.000
Vùng còn lại	11.500
Vùng đặc biệt khó khăn	16.500

Điều 18. Chi khác

Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ từ Điều 9 đến Điều 17 Quy định này.

Điều 19. Bổ sung mục tiêu

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nhiệm vụ chi đặc thù và đặc điểm tình hình ở địa phương, ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu cho ngân sách xã, phường năm 2026 để thực hiện các chế độ chính sách và một số nhiệm vụ chi đặc thù của ngân sách các xã, phường như:

- Kinh phí thực hiện các chính sách và một số nhiệm vụ đặc thù thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề;
- Kinh phí thực hiện các chính sách thuộc lĩnh vực chi đảm bảo xã hội;
- Kinh phí thực hiện các chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế;
- Kinh phí thực hiện các chính sách thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ đặc thù khác.

Điều 20. Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách cấp xã

Phân bổ dự phòng chi ngân sách cấp xã bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách cấp xã thực tế, HĐND cấp xã chủ động bố trí dự phòng ngân sách cấp mình bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ khả năng ngân sách, mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và đặc điểm tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Phương án phân bổ dự toán của địa phương mình năm ngân sách 2026 theo quy định.

2. Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các địa phương phải quán triệt thực hành tiết Kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước/.